

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Triệu Thúy Hà;**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Ngô Thị Yên;

2. Bà Trần Thị Đông;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Hoàng Minh Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn Đản M, xã Uy N, huyện Đông A, Hà N.

Trú tại: Thôn Nguyên K, xã Nguyên K, huyện Đông A, Hà N.

**Bị đơn:** Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1984.

HKTT và trú tại: Thôn Đản M, xã Uy N, huyện Đông A, Hà N.

Có mặt: Nguyên đơn;

Vắng mặt: Bị đơn;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong Đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 23/3/2021, Biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày:

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị H và anh **Nguyễn Ngọc T** kết hôn ngày 08/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên K, huyện Đông A, TP. Hà N trên

cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị H về sống chung với gia đình nhà chồng tại thôn Đản M, xã Uy N, huyện Đông A, thành phố Hà N. Vợ chồng chị H phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2010, mâu thuẫn cứ ngày một lớn dần cho đến khoảng tháng 9/2021 thì mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm. Theo chị H, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm tới con cái, con ốm con đau, chuyện học hành của các con anh đều không quản. Anh T còn có những hành động vũ phu, bạo lực với chị H khi anh uống rượu say, chơi bời về đêm hôm khuya khoắt. Chị H đã luôn phải nhẫn nhịn vì con cái, để con có được mái ấm gia đình, khi hai vợ chồng mâu thuẫn chị H đã luôn tránh đi để con không phải chứng kiến cảnh bố đánh mẹ.

Trong khoảng từ năm 2010 đến nay anh T chơi lô đề cờ bạc dẫn đến nợ nần chồng chất, anh cầm sổ đỏ nhà đất, cầm sổ hộ khẩu gia đình để có tiền chơi bời. Thậm chí, vào khoảng năm 2013, nhân lúc chị H và các con không có ở nhà, anh T đã lấy laptop của con để cầm cố chơi bời, chiếc laptop này là chị H mua cho các con để phục vụ cho việc học của các con.

Khi không trả được nợ anh T phải bỏ trốn khỏi nhà để trốn chủ nợ đến đòi. Nay, anh T ở đâu chị H cũng không rõ. Chủ nợ đến nhà đòi tiền, không gặp được anh T thì đe dọa, chửi bới, xúc phạm, đòi nợ chị H, yêu cầu chị H phải trả tiền mà anh T đã vay của họ. Việc này ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vật chất, tư tưởng, tinh thần của chị H và các con. Chị H đã nhiều lần khuyên bảo anh ấy, cho anh cơ hội để sửa sai nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy, lại còn ghen tuông vô cớ với chị H, khiến cuộc sống của chị H trở nên ngột ngạt. Chị H đã chịu đựng nhiều, đã cố gắng hàn gắn bao nhiêu năm qua nhưng vẫn không được gì, chị H đề nghị Tòa giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T để chị H và các con sớm ổn định cuộc sống.

Mâu thuẫn giữa chị H và anh T cả hai bên gia đình đều biết, mọi người cũng khuyên bảo anh T, hàn gắn vun vén cho vợ chồng chị H nhưng đều không có kết quả gì.

**Về con chung:** Chị H và anh T có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 06/11/2005; Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/01/2008. Hiện tại hai cháu đang ở với chị H; sức khỏe, tinh thần, tình hình học tập của các cháu tốt. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con thì tùy vào bố của các cháu, còn chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:** Anh T chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H không khai thêm gì, chị H đề nghị Tòa giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

**Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T khai:** Anh và chị H kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện. Sau cưới, anh chị chung sống với bố mẹ đẻ anh tại Thôn Đản M, xã Uy N, huyện Đông A, Hà N. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2021, vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng và hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không thành. Hiện tại, vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Chị H đã đưa con về gia đình bên ngoại ở Nguyên K sống. Anh T có gọi chị và các con về nhà nhưng chị H không đồng ý. Chị H yêu cầu ly hôn, anh T có đề nghị được hoà giải đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 06/11/2005; Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/01/2008. Ly hôn, anh T muốn nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có nợ chung;

\*Về xác minh về quan hệ hôn nhân gia đình của anh T chị H tại gia đình cung như địa phương, thể hiện: Về thời điểm kết hôn và điều kiện kết hôn như các đương sự khai. Quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nên chị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Như các đương sự khai. Hiện tại các con chung của anh chị đang ở với mẹ tại Nguyên K, Đông A, Hà N. Anh T hiện làm công nhân, chị H làm nghề may. Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại thời điểm xét xử, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

**Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn chấp hành đúng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có mặt khi Tòa án triệu tập, khiến thời hạn tố tụng bị kéo dài.

- Đối với bị đơn: Vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên hòa giải, cuộc họp tiếp cận, công khai chứng cứ vi phạm quy định tại Điều 70, 71, 186, 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án tuyên :

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

+ Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng để giải quyết.

+ Về tài sản: Không xem xét giải quyết do nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu.

+ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đông A, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] **Về nội dung vụ án:**

Các chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ phù hợp với lời khai của đương sự và diễn biến tại phiên tòa, thấy rằng:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn vào ngày 2004 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên K, huyện Đông A, thành phố Hà N. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh từ phía anh T. Bản thân anh T cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn không thể hoà giải. Chị H đã đưa các con về gia đình mẹ đẻ tại Nguyên K, Đông A, Hà N ở. Theo chị H khai, anh T mắc nhiều lỗi, nợ nần nhiều khiến người lạ đến nhà đòi, cuộc sống gia đình đảo lộn, ảnh hưởng đến tinh thần của các con nhỏ. Bản thân anh chị cũng thừa nhận nhiều lần cố gắng hoà giải hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Anh T mặc dù có nguyện vọng đoàn tụ nhưng tại các phiên hoà giải đều vắng mặt, không hợp tác khi Tòa án triệu tập. Như vậy, anh T mong muốn đoàn tụ, hoà giải là không thực tâm.

Như vậy, lời khai của các đương sự phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của người làm chứng, khẳng định: Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là có căn cứ, được chấp nhận.

**Về con chung:** Chị H và anh T có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 06/11/2005; Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/01/2008. Hiện tại hai cháu đang ở với chị H; sức khỏe, tinh thần, tình hình học tập của các cháu tốt. Các cháu đều có nguyện vọng ở cùng mẹ. Chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, anh T cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Hiện tại chị H làm nghề may thu nhập 10.000.000 đồng-15.000.000 đồng/tháng, anh T làm công nhân, anh T không chứng minh thu nhập nhưng xác định T có nghề nghiệp, có thu nhập. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con là điều chính đáng. Tuy nhiên, xét giao con cho ai cần xét đến điều kiện, hoàn cảnh, nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi. Xét chị H hiện có nơi ở ổn định tại Nguyên K, có thu nhập từ nghề may, bản thân chị cũng chăm lo các con tốt, khoẻ mạnh đến thời điểm hiện tại. Anh T mặc dù có nghề nghiệp, có thu nhập, song anh cũng có nhiều khoản nợ khiến người lạ đến đòi làm ảnh hưởng tinh thần các con chung, bên cạnh đó, mẹ đẻ của anh T cũng không chung sống cùng anh hỗ trợ anh mà đi làm ở địa phương

khác. Các con chung của anh chị đều lớn và trên 7 tuổi, có nguyện vọng ở với mẹ. Như vậy, xét nên giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng để ổn định cho các cháu về tinh thần và cuộc sống cũng là phù hợp.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** Do chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

**Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Chị H, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác nếu có.

**[3] Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ :**

- Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Ngọc T, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

**Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 06/11/2005; Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/01/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh T do chị H không có yêu cầu cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

**Về tài sản chung:** Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Dành quyền khởi kiện về tranh chấp tài sản chung sau ly hôn cho các

đương sự bằng vụ án khác khi có đủ điều kiện theo pháp luật.

**Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2020/0046505 ngày 18/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh nay chuyển thành án phí. Chị H đã nộp đủ án phí.

**Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà N;
- VKSND thành phố Hà N;
- VKSND huyện Đông A;
- UBND **Uy N**;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Triệu Thuý Hà**





